



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2761/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 179/TTr-BQL ngày 29 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 05 thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định bãi bỏ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành

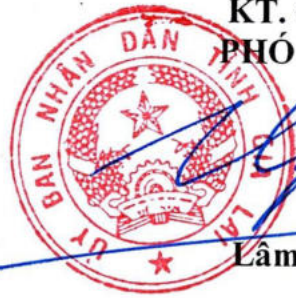
chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh .

Điều 3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC. ^{KSTT} *ch*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục
DANH MỤC 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH
(Kèm theo Quyết định số: 2761/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.115336	Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.
2	1.115337	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất
3	1.115338	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư
4	1.115339	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, và số liệu bản giao đất trên thực địa
5	1.115340	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển

B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

I. Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Người đề nghị nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

- Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 2: Ban Quản lý Khu kinh tế (Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường)

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa.
- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có).
- Dự thảo các văn bản (*Báo cáo thẩm tra giao đất, cho thuê đất của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quyết định giao đất, cho thuê đất của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế*) trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thông qua, trình Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế ký duyệt.
- Ký duyệt Quyết định giao đất, cho thuê đất

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo bảng giá đất**

Bước 3: Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh.

Bước 4: Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

4.1. Thuế tỉnh Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản; xác định tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa phải nộp theo quy định (nếu có).
- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có) gửi cho người sử dụng đất.

4.2. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có).

4.3. Thuế tỉnh Gia Lai: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có) và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường).

Bước 5: Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

5.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

5.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường).

5.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường:

- Chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả
- Tổ chức bàn giao đất trên thực địa.

Bước 6: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

*** Trường hợp người sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất, nhưng phải nộp một khoản tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có)**

Bước 3: Chuyên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

Bước 4: Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

4.1. Thuế tỉnh Gia Lai

- Xác định tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa phải nộp theo quy định (nếu có).
- Ban hành thông báo nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có) gửi cho người sử dụng đất.

4.2. Người sử dụng đất: Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có).

4.3. Thuế tỉnh Gia Lai: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có) và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường).

Bước 5. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

5.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

5.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường).

5.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả.
- Tổ chức bàn giao đất trên thực địa.

Bước 6. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê**

đất tính theo giá đất cụ thể

Bước 3. Tổ chức việc xác định giá đất cụ thể

3.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ: Tham mưu việc xác định giá đất cụ thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể có nội dung về trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc hướng dẫn người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.2. Văn phòng UBND tỉnh: Thẩm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; chuyển kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

3.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

3.4. Thuế Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản; xác định tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa phải nộp theo quy định (*nếu có*).

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (*nếu có*) gửi cho người sử dụng đất.

3.5. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (*nếu có*).

3.6. Cơ quan Thuế: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (*nếu có*) và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

4.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

4.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

4.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả.

- Tổ chức bàn giao đất trên thực địa.

2. Cách thức thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai (Bản chính);
- Bản đồ địa chính khu đất (Bản chính);
- Chứng từ nộp tiền kỹ quỹ đầu tư theo quy định (Bản chính);
- Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có) (Bản sao).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Không quá 6,25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thuế.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Phí, lệ phí

Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.

- Mức thu:

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN

TT	Nội dung	Mức thu phí	
		Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường	Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã
1	Hồ sơ có diện tích thửa đất	1.550.000	930.000

	dưới 1000m ²		
2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m ² trở lên	2.590.000	1.550.000

- **Thời điểm thu phí:** Tại thời điểm nhận kết quả.

- **Cơ quan thu phí:** Ban Quản lý Khu kinh tế.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giao đất, thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Ký quỹ hoặc các hình thức bảo đảm khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai hoặc có vi phạm quy định của pháp luật về đất đai nhưng đã chấp hành xong quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xác định người sử dụng đất vi phạm quy định của pháp luật về đất đai áp dụng đối với tất cả các thửa đất đang sử dụng trên địa bàn cả nước.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc

hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 01**Đơn đề nghị giao đất/thuê đất****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ⁽¹⁾...Kính gửi: ⁽²⁾.....

1. Người đề nghị ⁽³⁾:.....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...):
4. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., tỉnh...):.....
5. Diện tích đất (m²):....., trong đó:
 - a) Diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo quy định của pháp luật về đất trồng lúa (m²) (nếu có):.....
 - b) Diện tích đất phải bóc tách tầng đất mặt theo pháp luật về đất trồng lúa (m²) (nếu có):.....
6. Diện tích rừng (m²) (nếu có):
7. Đề sử dụng vào mục đích⁽⁴⁾:
8. Thời hạn sử dụng đất:.....; Hình thức sử dụng đất⁽⁵⁾:.....
9. Xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định (nếu có) ⁽⁶⁾
10. Cam kết sử dụng đất, sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, pháp luật lâm nghiệp, pháp luật về đất trồng lúa; nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê nhà nước bổ sung diện tích đất bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có); các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật (nếu có) đầy đủ, đúng hạn.
- Các cam kết khác (nếu có):.....
11. Tài liệu gửi kèm (nếu có) ⁽⁷⁾.....

Người làm đơn⁽⁶⁾*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*⁽¹⁾ Giao đất/thuê đất/giao đất và giao rừng/thuê đất và thuê rừng.⁽²⁾ Ủy ban nhân dân/Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền giao đất/cho thuê đất/giao đất và giao rừng/cho thuê đất và cho thuê rừng.⁽³⁾ Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc sổ định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...⁽⁴⁾ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư/quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư/quyết định dự án... thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy tờ đã cấp. Trường hợp đề nghị giao đất xây dựng công trình ngầm thì ghi rõ diện tích đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm quy định tại Điều 216 Luật Đất đai.⁽⁵⁾ Giao đất không thu tiền sử dụng đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.⁽⁶⁾ Nếu rõ thuộc trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất theo quy định nào của pháp luật.⁽⁷⁾ Thực hiện trong trường hợp hồ sơ giao đất/thuê đất/giao đất và giao rừng/thuê đất và thuê rừng do người đề nghị lập phải có theo quy định.⁽⁸⁾ Ghi rõ họ và tên cá nhân, cá nhân đại diện cho người sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật số 31/2024/QH15.

II. Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Người đề nghị nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

- Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 2: Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*)

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa.
- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (*nếu có*).
- Dự thảo các văn bản (*Báo cáo thẩm tra chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế*) trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thông qua, trình Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế ký duyệt.

- Ký duyệt Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo bảng giá đất**

Bước 3. Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

Bước 4. Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

4.1. Thuế tỉnh Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

4.2. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

4.3. Thuế tỉnh Gia Lai: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 5. Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

5.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

5.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

5.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường để trả kết quả.

Bước 6. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất cụ thể**

Bước 3. Tổ chức việc xác định giá đất cụ thể

3.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ: Tham mưu việc xác định giá đất cụ thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể có nội dung về trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc hướng dẫn người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.2. Văn phòng UBND tỉnh: Thẩm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; chuyển kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

3.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

3.4. Thuế Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

3.5. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.6. Cơ quan Thuế: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

4.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

4.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ

đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

4.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả.

Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

2. Cách thức thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai (Bản chính);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật số 31/2024/QH15;
- Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Không quá 6,25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thuế.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định điều chỉnh giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Phí, lệ phí

Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.

- Mức thu:

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN

TT	Nội dung	Mức thu phí	
		Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường	Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã
1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m ²	1.550.000	930.000
2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m ² trở lên	2.590.000	1.550.000

- **Thời điểm thu phí:** Tại thời điểm nhận kết quả.

- **Cơ quan thu phí:** Ban Quản lý Khu kinh tế.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giao đất, thuê đất theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai hoặc có vi phạm quy định của pháp luật về đất đai nhưng đã chấp hành xong quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xác định người sử dụng đất vi phạm quy định của pháp luật về đất đai áp dụng đối với tất cả các thửa đất đang sử dụng trên địa bàn cả nước.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 02

Đơn đề nghị chuyển hình thức giao đất/cho thuê đất
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN HÌNH THỨC GIAO ĐẤT/ CHO THUÊ ĐẤT

Kính gửi: ...⁽¹⁾

1. Người đề nghị ⁽²⁾:
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email.....):
4. Thông tin trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký⁽³⁾ :
 - Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã/phường..., tỉnh/thành phố ...):
 - Diện tích và mục đích sử dụng hiện tại:.....
 - Thời hạn sử dụng đất:.....
 - Hình thức sử dụng đất:
 - Số, ngày tháng năm ban hành của quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký:.....
5. Nội dung đề nghị chuyển hình thức sử dụng đất từ hình thức..... sang hình thức..... theo quy định của pháp luật về đất đai⁽⁴⁾.
6. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
 Các cam kết khác (nếu có):
7. Tài liệu gửi kèm (nếu có) ⁽⁵⁾:

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân/Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽²⁾ Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...

⁽³⁾ Ghi theo các thông tin về thửa đất, người sử dụng đất trong quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽⁴⁾ Ví dụ: từ hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm sang hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

⁽⁵⁾ Thực hiện trong trường hợp hồ sơ đề nghị thay đổi hình thức sử dụng đất do người sử dụng đất lập phải có theo quy định.

III. Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Người đề nghị nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

- Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 2: Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*)

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (*nếu có*).

- Dự thảo các văn bản (*Báo cáo thẩm tra chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quyết định điều chỉnh giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế*) trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thông qua, trình Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế ký duyệt.

- Ký duyệt Quyết định điều chỉnh thức giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo bảng giá đất**

Bước 3. Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

Bước 4. Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

4.1. Thuế tỉnh Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

4.2. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

4.3. Thuế tỉnh Gia Lai: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 5. Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

5.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

5.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

5.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường để trả kết quả.

Bước 6. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất cụ thể**

Bước 3. Tổ chức việc xác định giá đất cụ thể

3.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ: Tham mưu việc xác định giá đất cụ thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể có nội dung về trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc hướng dẫn người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.2. Văn phòng UBND tỉnh: Thẩm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; chuyển kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

3.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

3.4. Thuế Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

3.5. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.6. Cơ quan Thuế: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

4.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

4.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

4.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả.

Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

2. Cách thức thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai (Bản chính);

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung làm thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 116 của Luật số 31/2024/QH15 (Bản sao).

- Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật số 31/2024/QH15 hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật số 31/2024/QH15 hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ (Bản sao).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Không quá 4,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thuế.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định điều chỉnh giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Phí, lệ phí

Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.

- Mức thu:

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN

TT	Nội dung	Mức thu phí	
		Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường	Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã
1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m ²	1.550.000	930.000
2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m ² trở lên	2.590.000	1.550.000

- **Thời điểm thu phí:** Tại thời điểm nhận kết quả.

- **Cơ quan thu phí:** Ban Quản lý Khu kinh tế.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giao đất, thuê đất theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai hoặc có vi phạm quy định của pháp luật về đất đai nhưng đã chấp hành xong quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xác định người sử dụng đất vi phạm quy định của pháp luật về đất đai áp dụng đối với tất cả các thửa đất đang sử dụng trên địa bàn cả nước.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 03

Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH ⁽¹⁾....

Kính gửi:⁽²⁾.....

1. Người đề nghị⁽³⁾:
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...):
4. Thông tin trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký⁽⁴⁾:
 - Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã/phường..., tỉnh/thành phố ...):
 - Diện tích và mục đích sử dụng hiện tại:.....
 - Thời hạn sử dụng đất:.....
 - Hình thức sử dụng đất:
 - Số, ngày tháng năm ban hành của quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký:.....
5. Lý do đề nghị điều chỉnh thông tin trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký:
6. Thông tin đề nghị điều chỉnh so với thông tin trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký:
7. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
 Các cam kết khác (nếu có):
8. Tài liệu gửi kèm (nếu có) ⁽⁵⁾:.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

⁽¹⁾ Ghi rõ đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/quyết định cho thuê đất/quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc ghi rõ là đơn đề nghị sửa chữa thông tin sai sót trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân/Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽³⁾ Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...

⁽⁴⁾ Ghi theo các thông tin về thửa đất, người sử dụng đất trong quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽⁵⁾ Thực hiện trong trường hợp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do người đề nghị điều chỉnh giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lập phải có theo quy định.

IV. Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, và số liệu bản giao đất trên thực địa

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Người đề nghị nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

- Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 2: Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*)

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (*nếu có*).

- Dự thảo các văn bản (*Báo cáo thẩm tra chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quyết định điều chỉnh giao đất, cho thuê đất của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế*) trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thông qua, trình Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế ký duyệt.

- Ký duyệt Quyết định điều chỉnh thức giao đất, cho thuê đất.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo bảng giá đất**

Bước 3. Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

Bước 4. Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

4.1. Thuế tỉnh Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

4.2. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

4.3. Thuế tỉnh Gia Lai: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 5. Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

5.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

5.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

5.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường để trả kết quả.

Bước 6. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất cụ thể**

Bước 3. Tổ chức việc xác định giá đất cụ thể

3.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ: Tham mưu việc xác định giá đất cụ thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể có nội dung về trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc hướng dẫn người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.2. Văn phòng UBND tỉnh: Thẩm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; chuyển kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

3.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

3.4. Thuế Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

3.5. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.6. Cơ quan Thuế: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

4.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

4.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

4.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả.

Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

2. Cách thức thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai (Bản chính).

- Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật số 31/2024/QH15 hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật số 31/2024/QH15 hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ (Bản sao).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Không quá 4,75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thuế.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định điều chỉnh giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Phí, lệ phí

Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.

- Mức thu:

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN

TT	Nội dung	Mức thu phí	
		Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường	Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã
1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m ²	1.550.000	930.000
2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m ² trở lên	2.590.000	1.550.000

- **Thời điểm thu phí:** Tại thời điểm nhận kết quả.

- **Cơ quan thu phí:** Ban Quản lý Khu kinh tế.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giao đất, thuê đất theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai hoặc có vi phạm quy định của pháp luật về đất đai nhưng đã chấp hành xong quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xác định người sử dụng đất vi phạm quy định của pháp luật về đất đai áp dụng đối với tất cả các thửa đất đang sử dụng trên địa bàn cả nước.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản

lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 03

Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH ⁽¹⁾...

Kính gửi:⁽²⁾.....

1. Người đề nghị⁽³⁾:
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...):
4. Thông tin trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký⁽⁴⁾:
 - Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã/phường..., tỉnh/thành phố ...):
 - Diện tích và mục đích sử dụng hiện tại:.....
 - Thời hạn sử dụng đất:.....
 - Hình thức sử dụng đất:
 - Số, ngày tháng năm ban hành của quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký:.....
5. Lý do đề nghị điều chỉnh thông tin trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký:
6. Thông tin đề nghị điều chỉnh so với thông tin trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ký:
7. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
 Các cam kết khác (nếu có):
8. Tài liệu gửi kèm (nếu có) ⁽⁵⁾:.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

⁽¹⁾ Ghi rõ đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/quyết định cho thuê đất/quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc ghi rõ là đơn đề nghị sửa chữa thông tin sai sót trong quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân/Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽³⁾ Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...

⁽⁴⁾ Ghi theo các thông tin về thửa đất, người sử dụng đất trong quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

⁽⁵⁾ Thực hiện trong trường hợp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do người đề nghị điều chỉnh giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lập phải có theo quy định.

V. Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Người đề nghị nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

- Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 2: Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*)

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (*nếu có*).

- Dự thảo các văn bản (*Báo cáo thẩm tra giao đất, cho thuê đất của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quyết định giao đất, cho thuê đất của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế*) trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thông qua, trình Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế ký duyệt.

- Ký duyệt Quyết định giao đất, cho thuê đất.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo bảng giá đất**

Bước 3. Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

Bước 4. Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

4.1. Thuế tỉnh Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

4.2. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

4.3. Thuế tỉnh Gia Lai: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 5. Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

5.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

5.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

5.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường để trả kết quả.

Bước 6. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

*** Trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất cụ thể**

Bước 3. Tổ chức việc xác định giá đất cụ thể

3.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ: Tham mưu việc xác định giá đất cụ thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể có nội dung về trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc hướng dẫn người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.2. Văn phòng UBND tỉnh: Thẩm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; chuyển kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

3.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Thuế tỉnh Gia Lai.

3.4. Thuế Gia Lai

- Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; xác định tiền thuê đất phải nộp một số năm đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất một số năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất.

3.5. Người sử dụng đất: Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.6. Cơ quan Thuế: Xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất và gửi thông báo kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

Bước 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Thuế xác nhận Người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

4.1. Chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai.

4.2. Chi cục Quản lý đất đai: In Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận; Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; Chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế (*Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường*).

4.3. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường: Chuyển kết quả đã giải quyết cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả.

Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết.

2. Cách thức thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai (Bản chính);
- Bản sao Dự án đầu tư lần biên hoặc hạng mục lần biên của dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (Bản sao).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Không quá 6,25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thuế.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Phí, lệ phí

Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.

- Mức thu:

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN

TT	Nội dung	Mức thu phí	
		Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường	Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã
1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m ²	1.550.000	930.000
2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m ² trở lên	2.590.000	1.550.000

- **Thời điểm thu phí:** Tại thời điểm nhận kết quả.

- **Cơ quan thu phí:** Ban Quản lý Khu kinh tế.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giao đất, thuê đất theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai hoặc có vi phạm quy định của pháp luật về đất đai nhưng đã chấp hành xong quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xác định người sử dụng đất vi phạm quy định của pháp luật về đất đai áp dụng đối với tất cả các thửa đất đang sử dụng trên địa bàn cả nước.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân

cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 05**Đơn đề nghị giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để lấn biển****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, GIAO KHU VỰC BIỂN ĐỂ LẤN BIỂNKính gửi:⁽¹⁾

1. Người đề nghị⁽²⁾
 2. Địa chỉ/trụ sở chính:
 3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, email.....):
 4. Địa điểm khu đất, khu vực biển (tại xã ..., tỉnh):
 5. Diện tích đất ... (m²) tương ứng ... (m²) khu vực biển.
 6. Để sử dụng vào mục đích⁽³⁾:
 7. Thời hạn sử dụng đất:; ; Thời hạn sử dụng khu vực biển..... Hình thức sử dụng đất:.....
 8. Xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định (nếu có).
 9. Cam kết sử dụng đất, khu vực biển đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn.
- Các cam kết khác (nếu có)

Người làm đơn*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân/Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất

⁽²⁾ Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...

⁽³⁾ Ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư.